

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NINH HÒA
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số: 52/2019/HS-ST
Ngày 21/11/2019**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thùy My**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lương Công Thủy**

Bà **Trần Thị Hiền**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Hà Tuyên** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông **Triệu Hoàng Hùng** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 53/2019/TLST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2019/TLST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2019/HSST-QĐ ngày 14 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn N - Sinh năm 199 ; nơi sinh: Ninh Hòa, Khánh Hòa; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố B, phường N, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Làm biển; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 196 ; Con bà Nguyễn Thị T, sinh năm 196 ; Anh chị em ruột: Nguyễn Văn K, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn H; Tiền án: Ngày 13 tháng 12 năm 201 , bị Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xử phạt mức án 02 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm 06 tháng về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999, chưa chấp hành xong thời gian thử thách; tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

** Bị hại:* Ông **Phạm Đình D** – sinh năm 198 (đã chết)

** Đại diện hợp pháp của bị hại:* Bà **Phan Thị L** – sinh năm 195 (Là mẹ ruột)

Nơi cư trú: Tổ dân phố P, phường Ninh D, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; bà L có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông **Trần Văn T** – sinh năm 198

Nơi cư trú: Xóm 9/2, xã V, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định; Vắng mặt.

2. Bà **Phạm Thúy B** – sinh năm 198

Nơi cư trú: Tổ dân phố P, phường N, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

3. Ông **Nguyễn Văn K** – sinh năm 198

Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện Lagi, tỉnh Bình Thuận; vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa).

4. Ông **Nguyễn Văn H** – sinh năm 196

Nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường N, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

5. Ông **Nguyễn Văn L** – sinh năm 199

Nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường N, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

* *Người làm chứng:*

1. Ông **Võ Chí D** – sinh năm 198

Nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường N, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

2. Ông **Phạm Đình V** – sinh năm 198

Nơi cư trú: Tổ dân phố P, phường N, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 15 phút, ngày 24 tháng 01 năm 2019, Nguyễn Văn N không có giấy phép lái xe theo quy định nhưng vẫn điều khiển xe mô tô biển số 79H1 – 247.34 chở Nguyễn Văn L lưu hành trên đường H hướng Ninh T đi Ninh H. Khi đến nơi có đặt biển báo nguy hiểm giao nhau với đường không ưu tiên thuộc tổ dân phố P, phường N, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, do N không giảm tốc độ và đi không đúng phần đường nên đã tông vào xe mô tô biển số 18T1 – 4136 do ông Phạm Đình D điều khiển đi từ lề đường trái để sang đường. Hậu quả: Ông Phạm Đình D bị thương sau đó chết; Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn L bị thương tích nhẹ.

Tại Bản kết luận giám định pháp y trên hồ sơ số 237/GĐHS-TTPY ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Trung tâm pháp y Sở y tế Khánh Hòa xác định nguyên nhân tử vong của ông Phạm Đình D do chấn thương sọ não.

Theo biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 24 tháng 01 năm 2019 và biên bản dựng lại hiện trường ngày 30 tháng 7 năm 2019 thì nơi xảy ra tai nạn là đường trải nhựa thẳng, tầm nhìn xa tốt, rộng 5m50. Lấy hướng đường Ninh H đi Ninh T làm chuẩn để tiến hành khám nghiệm hiện trường. Sau tai nạn, xe mô tô biển số 18T1 – 4136 nằm ngã nghiêng trên mặt đường phải, đo từ tâm trục cổ lái và bánh xe sau vuông góc với mép đường phải lần lượt là 1m30 và 1m92; bánh xe trước rời khỏi thân xe nằm ở lề đường đất bên phải, đo từ tâm bánh xe vuông góc với mép đường nhựa bên phải là 1m35. Xe mô tô biển số 79H1 – 247.34 nằm ngã nghiêng trên mặt đường nhựa bên phải, đo từ tâm bánh xe trước và sau vuông góc với mép đường nhựa bên phải lần lượt là 2m90 và 1m80; đo từ tâm trục bánh xe trước đến trụ biển báo nguy hiểm “Giao nhau với đường không ưu tiên” là 10m26. Khoảng cách từ tâm trục bánh sau xe mô tô biển số 18T1 – 4136 đến tâm trục bánh trước xe mô tô biển số 79H1 – 247.34 là 1m35. Tại hiện trường để lại vùng màu đỏ kích thước 0m60 x 0m40; từ tâm vùng màu đỏ vuông góc với mép đường nhựa bên phải là 0m40, cách tâm trục bánh sau xe mô tô biển số 18T1 – 4136 là 1m76.

Theo các biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông ngày 24 tháng 01 năm 2019 thì bộ phận bánh trước và hệ thống giảm chấn xe mô tô biển số 79H1 – 247.34 trước bị tác động lực xô lệch hướng từ phải sang trái, về chấn bunn trước bị bể vỡ rời khỏi thân xe, vành mâm nan hoa bánh xe trước bị tác động lực móp lõm hướng từ ngoài vào trong. Xe mô tô biển số 18T1 – 4136 để lại dấu vết: Ống giảm chấn trước, mặt ngoài ốp kim loại động cơ phía bên trái bị trầy xước; hệ thống đèn chiếu sáng, đèn tín hiệu, bộ phận giảm chấn trước và van khóa bộ cơ chế hòa khí bị bể, vỡ, gãy rời khỏi thân xe.

Tại bản Cáo trạng số 47/CT-VKS-HS ngày 22 tháng 10 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa vẫn giữ nguyên Bản cáo trạng và đề nghị với Hội đồng xét xử áp dụng tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự; áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp của bị hại bà Phan Thị L đã nhận số tiền 30.000.000 đồng mà bị cáo bồi thường và có đơn bãi nại về trách nhiệm dân sự, tại phiên tòa bà L cũng không yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn N bồi thường gì thêm nên không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Phạm Thúy B và ông Nguyễn Văn H không yêu cầu gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Trần Văn T, ông Nguyễn Văn K, ông Nguyễn Văn L vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tách ra thành một vụ kiện dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

Về vật chứng: Hai xe mô tô biển số 79H1 – 247.34 và biển số 18T1 – 4136 đã trả lại cho chủ sở hữu nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng nhưng xét thấy họ đã có lời khai trong hồ sơ vụ án. Việc vắng mặt họ không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Như vậy, các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Bị cáo Nguyễn Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo là phù hợp với Cáo trạng của Viện kiểm sát, biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử thẩm tra tại phiên tòa. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến các quy định của nhà nước về an toàn giao thông đường bộ. Hậu quả làm chết một người. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo Nguyễn Văn N bị Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa truy tố về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét thấy, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo không có giấy phép lái xe, không chú ý quan sát khi đến nơi có đặt biển báo nguy hiểm giao nhau với đường không ưu tiên thuộc tổ dân phố P, phường N, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, do N không giảm tốc độ và đi không đúng phần đường nên tông vào xe mô tô do anh D điều khiển đi từ lề đường trái để sang đã gây ra tai nạn hậu quả làm một người chết, gây tổn thất về tinh thần cho gia đình bị hại.

[3.1] Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung tội phạm. Mặc dù, bị cáo đã bị Tòa án xử phạt mức án 02 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm 06 tháng về tội “Cố ý gây thương tích” nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà tiếp tục phạm tội nên cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục và phòng ngừa chung tội phạm, nhằm cho bị cáo thấy được tính nghiêm minh của pháp luật. Do bản án số 71/2017/HS-ST ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa bị cáo N chưa chấp hành xong, chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Đồng thời, đối với bản án số 71/2017/HS-ST bị cáo Nguyễn Văn N bị xử phạt 02 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo nay bị cáo N phạm tội mới trong thời gian thử thách nên áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo và áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự về tổng hợp hình phạt của nhiều bản án đối với bị cáo Nguyễn Văn N.

[3.2] Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại và tại phiên tòa đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo.

[4] Trong vụ án này, Nguyễn Văn L (Nguyễn L) bị thương tích nhẹ, từ chối giám định tỷ lệ thương tật nên không xem xét yêu cầu trách nhiệm hình sự và dân sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp của bị hại bà Phan Thị L đã nhận số tiền 30.000.000 đồng mà bị cáo bồi thường và có đơn bãi nại về trách nhiệm dân sự, tại phiên tòa bà L cũng không yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn N bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Phạm Thúy B và ông Nguyễn Văn H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Trần Văn T, ông Nguyễn Văn K, ông Nguyễn Văn L vắng mặt nên tách ra thành một vụ kiện dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

[6] Về vật chứng: Hai xe mô tô biển số 79H1 – 247.34 và biển số 18T1 – 4136 đã trả lại cho chủ sở hữu theo Quyết định xử lý vật chứng số 35 ngày 23 tháng 8 năm 2019 là đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 53; Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 135, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 11 Luật Giao thông Đường bộ năm 2008;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn N 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”; tổng hợp với hình phạt 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù tại bản án số 71/2017/HS-ST ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; buộc bị cáo Nguyễn Văn N chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 05 (Năm) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Tách yêu cầu bồi thường thiệt hại thành vụ kiện dân sự khác khi người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có đơn yêu cầu.

Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Tx. Ninh Hòa;
- Cơ quan CSĐT Công an thị xã Ninh Hòa;
- Cơ quan THAHS Công an thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Án văn, Hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thùy My